

Bản án: 21/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 / 01 / 2018  
“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;
2. Ông Nguyễn Văn Chào.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Võ Văn Hòa, cán bộ Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát kiểm sát;

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc: “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2017/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Mai L, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Bà L có mặt tại phiên tòa; ông Tr vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Lâm Thị Mai L trình bày: bà với ông Tr do mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do nhiều

nguyên nhân và vợ chồng không còn sống chung kể từ đó. Nay, nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Tr được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr; Về con chung trong thời kỳ hôn nhân thì giữa bà với ông Tr có con chung tên Trần Hữu Trọng, sinh ngày 19/10/2011, yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có;

Đối với bị đơn là ông Trần Văn Tr: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tr rất nhiều lần nhưng bà vẫn không đến để tòa án kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do ông Tr không đến những lần tòa án triệu tập nên tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được;

Tại phiên tòa,

Bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Tr, được nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết;

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tổng đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, giữa ông Tr, bà L tự nguyện đi đến hôn nhân, có không đăng ký kết hôn, nên phát sinh quyền nghĩa vụ vợ chồng; ông Tr với bà Ly là vợ chồng, nhưng không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nên, xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; Về tài sản chung - nợ chung: không xem xét;

Các đương sự cùng xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

*[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015; ông Tr có nơi cư trú tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] *Về sự vắng mặt của ông Tr:* Tòa án tiến hành thực hiện việc cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Tr vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không gì sự bất khả kháng; Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Xét về quan hệ hôn nhân:* ông Tr với bà L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 341/2011 quyển số 02/2011 ngày 25/11/2011 nên hôn nhân giữa ông Tr, bà L là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Bà L cho rằng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên vẫn đến bà với bà Tr đã ly thân, không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/12/2017 được ông Inh là cha ruột của ông Tr cho biết: Tr còn hộ khẩu thường trú tại địa phương, thường đi làm ăn xa, nhưng vẫn về nhà, việc tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng về việc bà L khởi kiện ly hôn với Tr thì Tr đều biết, Tr và L đã ly thân không còn quan hệ vợ chồng hơn bảy năm nay, Tr cũng cho biết là đồng ý ly hôn, nhưng không về được đến tòa án giải quyết;

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*” Thế nhưng vợ chồng bà L, ông Tr không còn chung sống đã hơn bảy năm nay. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cùng thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn là bà L là được ly hôn với ông Tr;

[2.2] *Xét Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L với ông Tr có con chung tên Trần Hữu Trọng, sinh ngày 19/10/2011;

Từ khi bà L với ông Tr sống ly thân đến nay là một thời gian dài và con chung sống với bà L, một mình bà L vẫn đảm bảo cuộc sống cho cháu Trọng ổn định, phát triển về tinh thần và thể chất. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dạy;

*Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung:* Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;

Đối chiếu với quy định nêu trên, lẽ ra ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà L chỉ yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và cho rằng có đủ khả năng nuôi dạy con chung. Xét thấy, việc bà L không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dạy, ông Tr không phải cấp dưỡng.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà L trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án Dân sự năm 2008;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L:

*Về hôn nhân:* Bà Lâm Thị Mai L, sinh năm 1992 được ly hôn ông Trần Văn Tr, sinh năm 1990;

*Về con chung:*

Bà Lâm Thị Mai L được nuôi dạy con chung tên Trần Hữu Trọng, sinh ngày 19/10/2011, ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà L trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí:

Bà Lâm Thị Mai L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số TU/2015/0017354 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú; bà L đã nộp đủ.

Ông Tr không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Tr là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ;

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**